

MARKET INSIGHTS REPORTS

30/01/2023

CHẠM KHÁNG CỤ DÀI HẠN – THỐNG KÊ
THƯỜNG TÍNH THEO ĐƠN VỊ TUẦN

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng tăng là tín hiệu tiêu cực ngắn hạn.

Các điểm cần lưu ý: (i) Sau 5 phiên đẩy giá mạnh, thị trường có sự điều chỉnh cũng không phải là điều quá bất ngờ thậm chí là cần thiết cho chỉ số bớt nóng. (ii) VN-Index gặp kháng cự mạnh tại khu vực 1,130 điểm vốn là kháng cự động MA(30) tuần nơi mà các nhà đầu tư dài hạn theo trường phái phân tích kỹ thuật xác định xu hướng tăng dài hạn. Theo thống kê quá khứ, chỉ số thường mất 2-5 tuần giao dịch quanh khu vực này trước khi có “Break out” hoặc điều chỉnh giảm trở lại. (iii) Dòng tiền lan sang cả nhóm thị giá thấp và không quan tâm tới kỳ vọng kinh doanh. Tín hiệu này cho thấy sự lạc quan thái quá đang xuất hiện và sự điều chỉnh cũng nhằm hạ nhiệt những cái đầu nóng và sự phân hóa trở lại là cần thiết.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 16 mã cho tín hiệu bán, 04 mã cho tín hiệu đi ngang. VIC, MWG, HPG ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 48% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ giảm điểm vào phiên ngày mai. Kháng cự là 1,130 điểm. Hỗ trợ vùng 970 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết Q4/2022 và cả năm;
- Bảng cân đối kế toán của FED đang giảm dần tổng tài sản;
- Suy thoái và GDP Mỹ;

TTCK Mỹ: Xu hướng tăng ngắn hạn đã được xác nhận và các cổ phiếu theo chu kỳ hay các cổ phiếu tăng trưởng đều giao dịch tốt khi mùa báo cáo kết quả kinh doanh bắt đầu. Trước mắt là ngày họp bàn về lãi suất của FED và kinh nghiệm gần đây cho thấy thị trường thường biến động tăng giảm xung quanh mức 1% để chờ đợi tin từ cuộc họp FOMC trước khi xác định hướng đi chính.



CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	536
Số cổ phiếu không có giao dịch	43
Số cổ phiếu tăng giá	216 / 37.31%
Số cổ phiếu giảm giá	236 / 40.76%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	127 / 21.93%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	223
Số cổ phiếu không có giao dịch	118
Số cổ phiếu tăng giá	123 / 36.07%
Số cổ phiếu giảm giá	68 / 19.94%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	150 / 43.99%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	346
Số cổ phiếu không có giao dịch	513
Số cổ phiếu tăng giá	169 / 19.67%
Số cổ phiếu giảm giá	118 / 13.74%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	572 / 66.59%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	71,294,472	32,709,172	38,585,300
% KL toàn thị trường	8,93%	4,10%	
Giá trị	1731,56 tỷ	985,75 tỷ	745,81 tỷ
% GT toàn thị trường	12,71%	7,23%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,138,736	242,966	895,770
% KL toàn thị trường	1,06%	0,23%	
Giá trị	31,47 tỷ	4,74 tỷ	26,73 tỷ
% GT toàn thị trường	2,21%	0,33%	

UPCOM

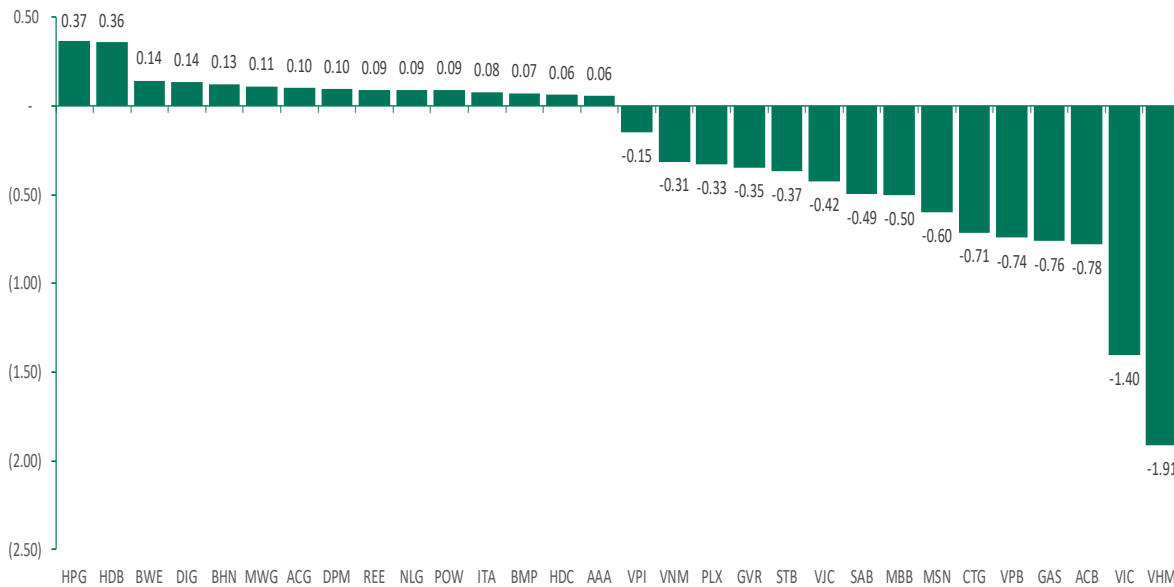
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,403,318	517,243	886,075
% KL toàn thị trường	3,05%	1,13%	
Giá trị	36,57 tỷ	20,08 tỷ	16,49 tỷ
% GT toàn thị trường	6,73%	3,70%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

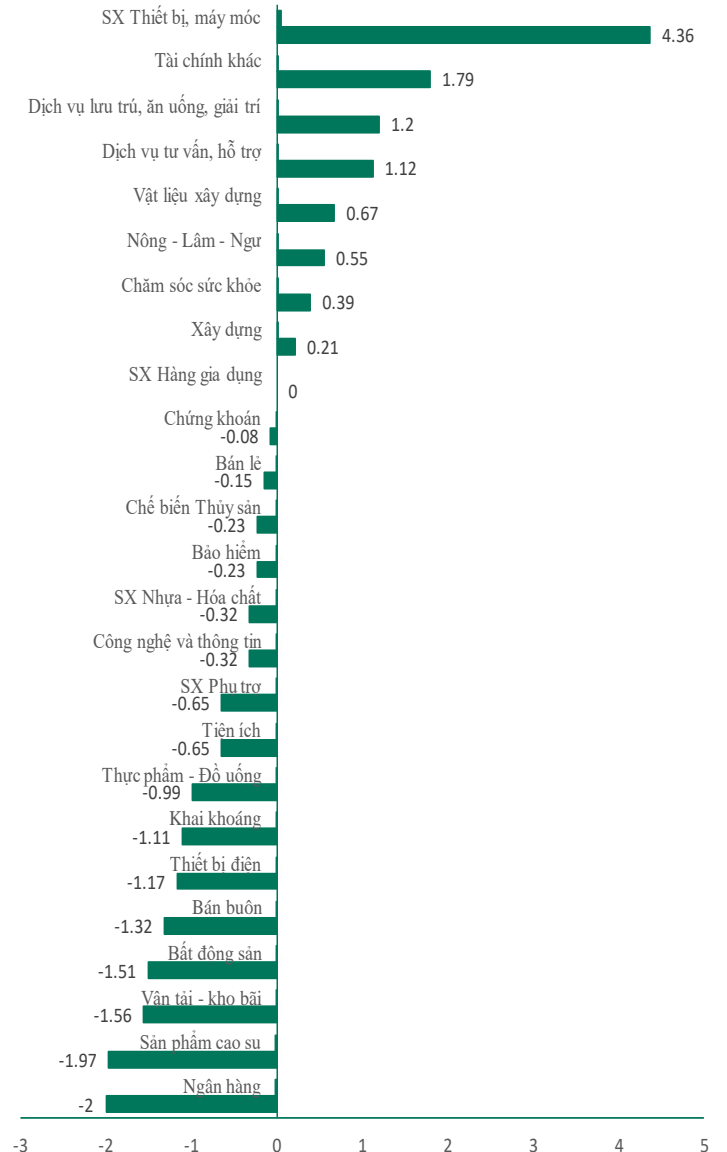
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,045,000	89,900	-3,100 (-3.33%)	21.43	3.31	4,195	425,453
2	BID	1,210,300	44,500	-50 (-0.11%)	25.74	2.23	1,729	225,104
3	VHM	1,349,500	51,500	-1,800 (-3.38%)	5.71	1.60	9,015	224,250
4	VIC	1,124,500	57,700	-1,500 (-2.53%)	(84.23)	1.60	(685)	220,064
5	GAS	267,500	106,600	-1,600 (-1.48%)	24.47	3.52	4,356	204,027
6	VNM	1,614,000	79,400	-600 (-0.75%)	17.58	4.90	4,517	165,942
7	MSN	330,200	102,000	-1,700 (-1.64%)	14.03	4.08	7,269	145,220
8	CTG	3,739,500	29,750	-600 (-1.98%)	8.89	1.35	3,347	142,971
9	VPB	23,819,000	19,250	-450 (-2.28%)	7.27	1.26	2,647	129,229
10	HPG	42,341,300	21,750	250 (1.16%)	3.04	1.29	7,166	126,472

TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: 1,130 điểm là kháng cự mạnh dài hạn

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 14.53 điểm (- 1.30%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Sản xuất thiết bị máy móc, tài chính khác, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, vật liệu xây dựng... là nhóm tăng giá mạnh nhất trên sàn trong ngày.

Đã tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như MCG, NHH, SHE, THI, CTT, OGC, TVC, DAH, OCH, SDA, TV2, VLA, SDA, FCM, HOM, HPG, HSG, HT1, NSH, ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

- (i) HSG, HPG giao dịch tốt trong ngày tuy nhiên đóng cửa chưa thiết lập mốc cao mới:
- ✓ Kết quả kinh doanh Q4/2022 báo lỗ nhưng phản ứng thị trường tích cực khi cho rằng điều tồi tệ nhất đã qua;
 - ✓ Báo cáo tài chính HSG đã công bố chúng tôi thấy vài điểm sáng như sau:
 1. Lãi gộp đã xuất hiện cho thấy công ty đã giảm hàng tồn kho giá cao rất mạnh;
 2. Hàng tồn kho giảm mạnh và trong quý công ty vẫn trích lập thêm 62 tỷ giá trị giảm giá hàng tồn kho. Như vậy, việc hoàn nhập có thể xuất hiện trong bối cảnh giá bán hàng đang có xu hướng tăng trở lại như hiện nay;
 3. Dư nợ vay giảm mạnh khi công ty đã tắt toán toàn bộ khoản vay dài hạn và giảm mạnh khoản vay ngắn hạn còn khoảng hơn 2,000 tỷ đồng. Đây có lẽ là giai đoạn HSG có tình trạng tài chính ít rủi ro nhất trong nhiều năm trở lại đây;
 4. Tiền mặt ròng tăng mạnh;
 - ✓ Việc chưa có “Break out” khiến về mặt đồ thị, HSG và HPG có mẫu hình đang khá tiêu cực với Rising Wedge và phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều;

(ii) Dòng tiền tập trung đẩy giá nhóm thiếu thanh khoản hoặc nhóm cổ phiếu có thị giá thấp tăng giá mạnh trong phiên hôm nay:

- ✓ Xu hướng tham lam mua “vơ bèo vạt tép” xuất hiện;
- ✓ Gây áp lực cho sự điều chỉnh của thị trường như các thống kê thường thấy trong ủa khứ khiến nhiều nhà đầu tư lo lắng;
- ✓ Một số cổ phiếu trong nhóm này có thị giá thấp và nỗ lực như FCM, MCG, ITA... bù đắp nỗ lực có thể tiếp tục duy trì đà tăng giá nhưng nhà đầu tư nên lựa chọn thận trọng hơn và nên lựa trên các cổ phiếu có thanh khoản đơn vị triệu sẽ dễ dàng thoát ra trong trường hợp nhận định sai;
- ✓ Chúng tôi cho rằng nhiều mã cổ phiếu trong nhóm này có thể không phát hành được báo cáo kiểm toán năm đúng thời hạn hoặc sẽ bị ngoại trừ nhiều khoản mục trên báo cáo tài chính kiểm toán trong bối cảnh Bộ Tài Chính thắt chặt chất lượng kiểm toán như trong năm nay và có thể khiến nhiều cổ phiếu trong nhóm này sẽ hạn chế giao dịch hoặc thậm chí hủy niêm yết trong thời gian tới. Do vậy, giao dịch cần có sự thận trọng nhất định;

(2) Ngân hàng, sản phẩm cao su, vận tải kho bãi, bất động sản, bán buôn... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như: LPB, MBB, STB, SHB, TPB, VCB, CTG, DRC, CSM, HVN, PVT, SKG, HDG, KBC, VRE, VIC, VHM ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) Ngân hàng sau chuỗi tăng giá ấn tượng giai đoạn qua đã chạm kháng cự mạnh và có dấu hiệu điều chỉnh. Tín hiệu này gây áp lực điều chỉnh giảm của chỉ số;

(ii) VRE là cổ phiếu đáng chú ý:

- ✓ Thị trường xuất hiện tin đồn VIC đang đàm phán bán cổ phần tại VRE cho các đối tác Thái Lan với giá trị tối thiểu 5 tỷ đô (Tương ứng với VRE định giá 5x);
- ✓ VRE vận động theo mẫu hình tam giác với kháng cự 31 – Vượt kháng cự này cổ phiếu xác nhận xu hướng tăng giá;
- ✓ Khối ngoại hỗ trợ mua ròng liên tục VRE;

(3) Đầu tư công đang gặp áp lực chốt lời sau chuỗi tăng mạnh dù LCG vẫn duy trì sắc xanh:

- ✓ RSI(14) chạm vùng 75 – 80 là vùng giá trị luôn xuất hiện nhịp điều chỉnh;
- ✓ Mẫu hình nền tiêu cực cảnh báo sự giảm giá;
- ✓ Nhóm này nhà đầu tư có thể chốt lời chờ điều chỉnh giảm trở lại;

Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng tăng là tín hiệu tiêu cực ngắn hạn.

Các điểm cần lưu ý: (i) Sau 5 phiên đẩy giá mạnh, thị trường có sự điều chỉnh cũng không phải là điều quá bất ngờ thậm chí là cần thiết cho chỉ số bớt nóng. (ii) VN-Index gặp kháng cự mạnh tại khu vực 1,130 điểm vốn là kháng cự động MA(30) tuần nơi mà các nhà đầu tư dài hạn theo trường phái phân tích kỹ thuật xác định xu hướng tăng dài hạn. Theo thống kê quá khứ, chỉ số thường mất 2-5 tuần giao dịch quanh khu vực này trước khi có “Break out” hoặc điều chỉnh giảm trở lại. (iii) Dòng tiền lan sang cả nhóm thị giá thấp và không quan tâm tới kỳ vọng kinh doanh. Tín hiệu này cho thấy sự lạc quan thái quá đang xuất hiện và sự điều chỉnh cũng nhằm hạ nhiệt những cái đầu nóng và sự phân hóa trở lại là cần thiết.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 16 mã cho tín hiệu bán, 04 mã cho tín hiệu đi ngang. VIC, MWG, HPG ... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 48% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ giảm điểm vào phiên ngày mai. Kháng cự là 1,130 điểm. Hỗ trợ vùng 970 điểm.

HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	380.45	381.35	379.54	NO	385.55	392.48	397.58	404.51	373.52	368.42	361.49	356.39
HNXINDEX	221.22	221.43	221	YES	222.6	224.43	225.81	227.64	219.39	218.01	216.18	214.8
UPINDEX	75.28	75.22	75.34	YES	75.61	75.82	76.15	76.36	75.07	74.74	74.53	74.2
VN30	1120.29	1123.46	1117.12	NO	1126.63	1139.31	1145.65	1158.33	1107.61	1101.27	1088.59	1082.25
VNINDEX	1107.87	1110.51	1105.22	NO	1113.16	1123.76	1129.05	1139.65	1097.27	1091.98	1081.38	1076.09
VNXALL	1710.87	1714.4	1707.34	NO	1717.92	1732.02	1739.07	1753.17	1696.77	1689.72	1675.62	1668.57
VN30F1M	1116.2	1119.4	1113	NO	1122.6	1135.4	1141.8	1154.6	1103.4	1097	1084.2	1077.8
VN30F1Q	1081.13	1073.15	1089.12	NO	1128.47	1159.83	1207.17	1238.53	1049.77	1002.43	971.07	923.73
VN30F2M	1114.5	1117.55	1111.45	NO	1120.6	1132.8	1138.9	1151.1	1102.3	1096.2	1084	1077.9
VN30F2Q	1096.5	1099.75	1093.25	NO	1103	1116	1122.5	1135.5	1083.5	1077	1064	1057.5
BID	44.47	44.45	44.48	YES	44.93	45.37	45.83	46.27	44.03	43.57	43.13	42.67
BVH	50.73	50.85	50.62	NO	51.27	52.03	52.57	53.33	49.97	49.43	48.67	48.13
CTG	29.87	29.92	29.81	NO	30.03	30.32	30.48	30.77	29.58	29.42	29.13	28.97
FPT	83.93	84.05	83.82	NO	84.17	84.63	84.87	85.33	83.47	83.23	82.77	82.53
GAS	107.43	107.85	107.02	NO	108.27	109.93	110.77	112.43	105.77	104.93	103.27	102.43
GVR	16.73	16.85	16.62	NO	16.97	17.43	17.67	18.13	16.27	16.03	15.57	15.33
HDB	18.08	18	18.17	NO	18.47	18.68	19.07	19.28	17.87	17.48	17.27	16.88
HPG	21.77	21.78	21.76	YES	22.18	22.62	23.03	23.47	21.33	20.92	20.48	20.07
KDH	27.85	27.9	27.8	NO	28.4	29.05	29.6	30.25	27.2	26.65	26	25.45
MBB	19.43	19.52	19.34	NO	19.62	19.98	20.17	20.53	19.07	18.88	18.52	18.33
MSN	103.13	103.7	102.57	NO	104.27	106.53	107.67	109.93	100.87	99.73	97.47	96.33
MWG	46.13	46.1	46.17	YES	46.87	47.53	48.27	48.93	45.47	44.73	44.07	43.33
NVL	14.02	14.05	13.98	NO	14.38	14.82	15.18	15.62	13.58	13.22	12.78	12.42
PDR	13.77	13.8	13.73	NO	14.08	14.47	14.78	15.17	13.38	13.07	12.68	12.37
PLX	37.42	37.6	37.23	NO	37.78	38.52	38.88	39.62	36.68	36.32	35.58	35.22
POW	12.35	12.35	12.35	YES	12.6	12.85	13.1	13.35	12.1	11.85	11.6	11.35
SAB	190.87	191.3	190.43	NO	192.23	194.47	195.83	198.07	188.63	187.27	185.03	183.67
SSI	21.13	21.2	21.07	NO	21.57	22.13	22.57	23.13	20.57	20.13	19.57	19.13
STB	26.12	26.25	25.98	NO	26.38	26.92	27.18	27.72	25.58	25.32	24.78	24.52
TCB	28.77	28.8	28.73	NO	28.98	29.27	29.48	29.77	28.48	28.27	27.98	27.77
TPB	24.07	24.15	23.98	NO	24.33	24.77	25.03	25.47	23.63	23.37	22.93	22.67
VCB	90.73	91.15	90.32	NO	91.67	93.43	94.37	96.13	88.97	88.03	86.27	85.33
VHM	52.17	52.5	51.83	NO	52.83	54.17	54.83	56.17	50.83	50.17	48.83	48.17
VIB	23.22	23.3	23.13	NO	23.38	23.72	23.88	24.22	22.88	22.72	22.38	22.22
VIC	58.23	58.5	57.97	NO	58.97	60.23	60.97	62.23	56.97	56.23	54.97	54.23
VJC	114.37	115.05	113.68	NO	115.73	118.47	119.83	122.57	111.63	110.27	107.53	106.17
VPB	19.42	19.5	19.33	NO	19.58	19.92	20.08	20.42	19.08	18.92	18.58	18.42
VNM	79.6	79.7	79.5	NO	79.8	80.2	80.4	80.8	79.2	79	78.6	78.4
VRE	29.77	29.75	29.78	YES	30.23	30.67	31.13	31.57	29.33	28.87	28.43	27.97
VRE	29.93	29.65	30.22	NO	31.32	32.13	33.52	34.33	29.12	27.73	26.92	25.53

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
DIG	17,889,700	7,571,890	236	5.26
DXG	16,456,700	6,598,360	249	2.13
HQC	14,238,700	3,796,430	375	6.69
FUEVFVND	12,757,700	1,722,950	740	-1.51
DBC	10,451,700	4,857,410	215.17	-2.34
SCR	8,653,200	3,042,950	284	2.9
TCH	8,089,900	3,304,160	245	3.43
AAA	8,001,400	1,749,030	457.48	6.93
CII	6,584,500	3,264,340	202	3.04
BCG	6,580,500	3,228,250	204	2.01
FCN	6,536,800	3,175,430	205.86	3.85
HBC	5,708,200	2,735,220	209	2.45
HUT	4,859,300	1,255,820	387	3.75
LDG	4,857,800	1,981,430	245	2.62
VHG	4,828,100	1,098,250	440	4
ORS	4,663,700	932,210	500.28	3.74
IJC	4,432,700	2,006,140	221	1.39
EVG	4,191,400	1,148,660	365	2.98
HHS	3,888,300	838,220	464	6.97
HDB	3,766,500	1,864,990	202	3.11
ITA	3,726,600	1,617,590	230.38	7
APH	3,276,200	1,368,050	239	6.99
VPG	3,264,900	1,318,170	248	3.94
IDJ	3,236,800	1,491,300	217	3.23
TTF	3,068,000	1,338,480	229	0
SBT	3,050,700	1,484,920	205.45	1.04
AMV	3,046,000	610,100	499	8.33
VOS	2,980,400	885,530	337	1.38
TAR	2,903,600	840,020	346	9.45
DXS	2,809,400	1,257,800	223	-2.69
PSH	2,648,000	665,890	398	6.75
HDC	2,329,800	544,720	428	6.89
FIT	2,103,200	872,090	241	0.95
MST	2,089,400	648,160	322	9.3
DLG	2,046,600	731,410	280	6.61
JVC	1,982,100	322,480	615	6.88
ABS	1,981,300	442,520	448	6.94
DDV	1,962,400	438,420	448	6.45
AAT	1,654,800	549,040	301	3.13
VIP	1,578,500	317,650	497	3.13

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: DIG, DXG, HQC... bùng nổ khối lượng giao dịch;

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
30-Jan	BWE	Mua	≤ 50	10% -20%	Buy Kumo Break out
30-Jan	VIP	Mua	≤ 10.2	10% -20%	Buy Kumo Break out/ Mua khi cổ phiếu điều chỉnh giảm trở lại/ Hỗ trợ quanh giá 9
30-Jan	RAL	Mua	≤ 95	10% -20%	Buy Kumo Break out/ Mua khi cổ phiếu điều chỉnh giảm trở lại/ Hỗ trợ quanh giá 90
30-Jan	HQC	Mua	≤ 3.3	10% -20%	Buy Kumo Break out/Cổ phiếu có tính đầu cơ rất cao

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi mở mua 04 cổ phiếu.
- Thị trường đang xuất hiện áp lực điều chỉnh giảm ngắn hạn;
- Mức kháng cự 1,130 điểm là mốc kháng cự dài hạn trên đồ thị tuần của các nhà đầu tư phân tích kỹ thuật và theo thống kê thường sẽ mất từ 2 – 5 tuần giao dịch quanh khu vực này;

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị phần lớn đều đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết Q4/2022 và cả năm

Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)			Q4/2022	Q4/2021	Tăng trưởng	2022	2021	Tăng trưởng
VHM	VinHomes	Bất động sản	12.467	13.841	-10%	38.661	48.183	-20%
BID	BIDV	Ngân hàng	5.381	2.814	91%	23.058	13.548	70%
TCB	Techcombank	Ngân hàng	4.746	6.140	-23%	25.567	23.238	10%
GAS	PV GAS	Đầu khí	4.169	2.551	63%	18.802	11.205	68%
ACB	ACB	Ngân hàng	3.611	3.554	2%	17.185	15.334	12%
VNM	Vinamilk	F&B	2.295	2.688	-15%	10.496	12.922	-19%
STB	Sacombank	Ngân hàng	1.899	1.151	65%	6.399	4.400	45%
OCB	OCB	Ngân hàng	1.741	1.750	-1%	4.389	5.519	-20%
ACV	ACV	Hàng không	1.578	380	315%	8.833	990	792%
VPB	VPBank	Ngân hàng	1.383	2.628	-47%	21.220	14.364	48%
REE	REE	Đa ngành	1.060	1.032	3%	3.876	2.400	62%
DCM	Đạm Cà Mau	Phân bón	1.055	1.176	-10%	4.551	1.956	133%
SSB	Seabank	Ngân hàng	1.053	738	43%	5.069	3.269	55%
MWG	Thế giới Di động	Bán lẻ	933	2.050	-54%	6.056	6.472	-6%
MSN	Masan Group	Đa ngành	903	7.997	-89%	5.147	11.489	-55%
HDG	Hà Đô	Bất động sản, Điện	376	780	-52%	1.620	1.643	-1%
PVT	PVTTrans	Logistics/Vận tải biển	362	283	28%	1.462	1.040	41%
GEX	Gelex	Đa ngành	326	640	-49%	2.093	2.057	2%
MVN	VIMC (Vinallines)	Logistics	324	1.690	-81%	3.079	3.806	-19%
LTG	Lộc Trời	Nông nghiệp	273	176	55%	558	527	6%
GMD	Gemadep	Logistics	251	231	9%	1.308	806	62%
ACG	An Cường	Gỗ	210	188	11%	752	546	38%
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	201	87	130%	539	387	39%
LGC	CI B&R	Hạ tầng	171	29	488%	488	254	92%
CAV	Cadivi	Thiết bị điện	140	166	-16%	482	423	14%
FRT	FPT Retail	Bán lẻ	117	417	-72%	486	554	-12%
BHN	Habeco	F&B	96	1	8644%	655	412	59%
TCM	TCM	Dệt may	74	29	154%	350	178	96%
M10	May-10	Dệt may	58	31	86%	150	92	64%
VGG	Việt Tiến	Dệt may	53	49	9%	218	100	119%
PGI	PG Insurance	Bảo hiểm	52	104	-50%	253	426	-41%
HAN	Hanaco	Xây dựng	49	102	-52%	31	67	-54%
DVN	Vinapharm	Y tế/Dược phẩm	47	53	-12%	134	234	-43%
PSH	NSH Petro	Xăng dầu	41	77	-46%	-236	357	-166%
TCL	Tân Cảng Logistics	Logistics	40	33	22%	150	140	7%
EVE	Everpla	Dệt may	33	56	-41%	115	75	55%
AST	Taseco Airs	Hàng không/Dịch vụ	29	-18		39	-128	
CTD	Coteccons	Xây dựng	27	-79		35	38	-9%
TAR	Trung An	Nông nghiệp	21	78	-73%	46	109	-58%
SGP	Salgon Port	Logistics/Cảng	12	729	-98%	241	1.080	-78%
DNM	Danameco	Y tế	-1	21	-103%	-40	34	-217%
TTT	Tanitour	Du lịch	-4	-11		51	7	599%
TGG	Louis Capital	Đầu tư	-12	28	-143%	-37	108	-134%
SRT	Salgon Railway	Vận tải	-38	-78		0	-139	
DBC	Dabaco	Nông nghiệp	-49	164	-130%	257	980	-74%
CRE	Cen Land	Bất động sản	-80	158	-150%	248	572	-57%
DTL	Đại Thiên Lộc	Thép	-106	21	-610%	-126	51	-347%
KBC	Kinh Bắc City	Bất động sản	-532	699	-176%	1.719	1.762	-2%
HPG	Hòa Phát	Thép	-2.079	8.038	-126%	9.923	37.057	-73%

Bảng cân đối kế toán của FED đang giảm dần tổng tài sản



Suy thoái và GDP Mỹ

Recessions and GDP			
Recession		Worst GDP contraction during recession	
Start	End		
Nov. 1948	Oct. 1949	-5.4%	1Q1949
Jul. 1953	May 1954	-5.9%	4Q1953
Aug. 1957	Apr. 1958	-10.0%	1Q1958
Apr. 1960	Feb. 1961	-5.0%	4Q1960
Dec. 1969	Nov. 1970	-4.2%	4Q1970
Nov. 1973	Mar. 1975	-4.8%	1Q1975
Jan. 1980	Jul. 1980	-8.0%	2Q1980
Jul. 1981	Nov. 1982	-6.1%	1Q1982
Jul. 1990	Mar. 1991	-3.6%	4Q1990
Mar. 2001	Nov. 2001	-1.6%	3Q2001
Dec. 2007	Jun. 2009	-8.5%	4Q2008
Feb. 2020	Apr. 2020	-29.9%	2Q2020

Source: Charles Schwab, Bloomberg, National Bureau of Economic Research (NBER), as of 1/26/2023. GDP contraction based on q/q annualized % change.

TTCK MỸ: Chờ đợi tin tức của cuộc họp FOMC

Nhà đầu tư chấp nhận rủi ro

Trong một thị trường giá lên, các nhà đầu tư tiến xa hơn trên đường cong rủi ro trong nỗ lực tạo ra hệ số alpha, điều này đề cập đến khả năng đánh bại thị trường của một khoản đầu tư. Logic rất đơn giản: Nếu thị trường chung đang tăng, chiến lược tối ưu là sở hữu những tài sản đang tăng nhanh nhất để có cơ hội vượt trội so với thị trường. Điều này được gọi ở Phố Wall là 'yếu tố beta cao'.



Trong biểu đồ trên, chúng tôi đã phủ S&P 500 (SPY) với tỷ lệ của S&P 500 High Beta ETF (SPHB) so với S&P 500 Low Volatility ETF (SPLV). Các cổ phiếu có hệ số beta cao là tài sản có rủi ro và có xu hướng hoạt động tốt hơn trong các thị trường giá lên. Trong khi đó, các cổ phiếu biến động thấp có bản chất phòng thủ hơn và vì lý do này có nhiều khả năng hoạt động tốt hơn trong các thị trường giá xuống. Như vậy, tỷ lệ tăng và giảm với thị trường rộng lớn hơn và cung cấp cho chúng tôi thông tin có giá trị về khẩu vị rủi ro và loại môi trường thị trường mà các nhà đầu tư đang định vị. Chúng kiến tỷ lệ đạt mức cao nhất kể từ tháng 4 năm ngoái chỉ có thể được coi là một diễn biến tích cực đối với các nhà đầu tư giá lên. Miễn là những mức cao mới này được giữ vững, thị trường chứng khoán có thể tăng cao hơn trong những tuần tới.

Điểm số tài chính mới cao

Cuối tuần, thị trường chứng khoán Mỹ đã chứng kiến một cuộc “vượt qua thùng rác”, với những cổ phiếu bị bán không nhiều nhất tăng cao hơn và tạo ra những bước chuyển lớn. Tuy nhiên, những thứ tốt nhất trong các lĩnh vực tăng trưởng đầu cơ nhiều nhất không phải là tài sản duy nhất hoạt động tốt hơn trong những ngày này. Các cổ phiếu lãnh đạo xu hướng dài hạn, nhiều trong số đó có tính chu kỳ, cũng có xu hướng cao hơn.



Dưới đây là biểu đồ của Invesco Equal Weight Financials ETF (RYF) kết thúc tuần ở mức cao mới trong chín tháng. Đây là mức quan trọng đối với RYF vì nó đại diện cho mức cao xoay vòng từ tháng 8 và tháng 11, có nghĩa là tài chính có thể đang trên đường thiết lập mức cao hơn. Nó cũng đại diện cho mục tiêu trước đây của chúng tôi ở mức mở rộng Fibonacci 161,8% và một số mức thấp quan trọng từ năm 2021, nơi hỗ trợ trước đây đã trở thành kháng cự. Miễn là RYF có thể duy trì các mức cao mới này và duy trì trên vùng 60,50, điều này có thể chứng tỏ là một sự đảo ngược xu hướng hợp lệ đối với tài chính. Sự thiên vị có thể cao hơn đối với lĩnh vực quan trọng này.

Kết luận: Xu hướng tăng ngắn hạn đã được xác nhận và các cổ phiếu theo chu kỳ hay các cổ phiếu tăng trưởng đều giao dịch tốt khi mùa báo cáo kết quả kinh doanh bắt đầu. Trước mắt là ngày họp bàn về lãi suất của FED và kinh nghiệm gần đây cho thấy thị trường thường biến động tăng giảm xung quanh mức 1% để chờ đợi tin tức cuộc họp FOMC trước khi xác định hướng đi chính.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769